

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 119/NQ-CP

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về phạm vi, đối tượng tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: Số 103/2023/QH15 ngày 09 tháng 11 năm 2023 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại các văn bản: Số 109/TTr-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2024, số 6566/BTC-HCSN ngày 25 tháng 6 năm 2024 và số 7281/BTC-HCSN ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc xác định phạm vi, đối tượng tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024;

Trên cơ sở ý kiến biểu quyết của các Thành viên Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tiết kiệm, cắt giảm 5% chi thường xuyên ngân sách nhà nước; nguồn thu phí được khấu trừ để lại, nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại theo chế độ được giao đầu năm 2024 để chi thường xuyên của các đơn vị dự toán thuộc các Bộ, cơ quan ở trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau khi loại trừ các khoản sau:

1. Các khoản chi lương, có tính chất tiền lương và các khoản chi cho con người.

2. Các khoản chi theo các cam kết quốc tế;

3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa theo các hợp đồng cung ứng hàng hóa, dịch vụ đã ký hợp đồng trước ngày Chính phủ ban hành Nghị quyết này và tiếp tục thực hiện trong năm 2024; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày Chính phủ ban hành Nghị quyết này.

4. Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ chính trị, chuyên môn đặc thù, quan trọng không thực hiện cắt giảm.

(Chi tiết tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách xác định số kinh phí cắt giảm, tiết kiệm gửi cơ quan quản lý cấp trên rà soát, tổng hợp. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định số kinh phí cắt giảm, tiết kiệm của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, chi tiết theo từng lĩnh vực chi (kể cả các cơ quan, đơn vị hành chính đã được giao cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính; các cơ quan, đơn vị chi hoạt động thường xuyên từ nguồn thu phí được khấu trừ để lại, nguồn thu nghiệp vụ được để lại) gửi Kho bạc nhà nước để kiểm soát chi.

2. Kinh phí cắt giảm, tiết kiệm được quản lý như sau:

a) Các Bộ, cơ quan ở trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổng hợp, báo cáo kinh phí cắt giảm, tiết kiệm gửi Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 8 năm 2024 để tổng hợp số cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các Bộ, cơ quan ở trung ương (trừ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an) và địa phương để tổng hợp, báo cáo Chính phủ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Kinh phí cắt giảm, tiết kiệm chi phí quản lý của Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện nộp vào các Quỹ Bảo hiểm xã hội, Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp, Quỹ Bảo hiểm y tế tương ứng. Kinh phí cắt giảm, tiết kiệm của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam từ nguồn thu 2% kinh phí công đoàn chuyển sang năm sau sử dụng theo quy định. Đối với kinh phí khoán của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước

Việt Nam, thực hiện cắt giảm, tiết kiệm khi xây dựng phương án khoán kinh phí năm 2024.

c) Đối với kinh phí cắt giảm, tiết kiệm từ nguồn thu phí được khấu trừ để lại theo quy định của pháp luật phí, lệ phí: Căn cứ quyết định cắt giảm, tiết kiệm của cơ quan chủ quản, các cơ quan, đơn vị thực hiện nộp kinh phí cắt giảm, tiết kiệm vào ngân sách nhà nước. Đến hết năm ngân sách, trường hợp số thu có biến động so dự toán giao đầu năm, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý cấp trên quyết định điều chỉnh kinh phí cắt giảm, tiết kiệm như quy định tại khoản 1 Điều này.

d) Đối với kinh phí cắt giảm, tiết kiệm từ nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại: Căn cứ quyết định cắt giảm, tiết kiệm của cơ quan chủ quản, các cơ quan, đơn vị trích vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị để tăng đầu tư phát triển hoạt động sự nghiệp. Đến hết năm ngân sách, trường hợp số thu có biến động so dự toán giao đầu năm, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý cấp trên quyết định điều chỉnh kinh phí cắt giảm, tiết kiệm như quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- TTgCP, các PTTg;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, TGD Công TTĐT,
các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). 110

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Phạm Minh Chính



Phụ lục

CÁC NỘI DUNG KHÔNG THỰC HIỆN CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM
(kèm theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ)

1. Các khoản chi lương, có tính chất tiền lương và các khoản chi cho con người

a) Số tiết kiệm 10% dành để cải cách tiền lương dự toán năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền giao theo quy định;

b) Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương, các khoản chi có tính chất lương;

c) Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội đã được cấp có thẩm quyền quyết định; các khoản chi cho con người theo chế độ (bao gồm: kinh phí tinh giản biên chế; học bổng, chế độ, chính sách cho học sinh, sinh viên; chi hỗ trợ nhân sỹ khó khăn; tiền ăn, tiền thưởng theo chế độ quy định, tiền thuê chuyên gia, tiền công và các khoản chi cho con người khác; tiền công và các khoản chi cho con người của các cuộc điều tra thống kê, thực hiện các chính sách về bảo vệ và phát triển rừng; các khoản phụ cấp đặc thù của từng ngành kể cả bằng tiền và hiện vật; kinh phí cấp bù miễn, giảm học phí theo chế độ quy định; quỹ nhuận bút, giải thưởng văn học, nghệ thuật...);

2. Các khoản chi theo các cam kết quốc tế: Chi từ nguồn vốn ngoài nước; vốn đối ứng để thực hiện các dự án ODA; các khoản chi đóng niên liễm; kinh phí thực hiện thoả thuận hoà giải, phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế.

3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa theo các hợp đồng cung ứng hàng hóa, dịch vụ đã ký hợp đồng trước ngày Chính phủ ban hành Nghị quyết này và tiếp tục thực hiện trong năm 2024; các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày Chính phủ ban hành Nghị quyết này.

4. Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ chính trị, chuyên môn đặc thù, quan trọng không thực hiện cắt giảm:

a) Kinh phí kỳ họp Quốc hội, hoạt động của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội; kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền, báo chí phục vụ hoạt động Quốc hội; kinh phí hỗ trợ xây dựng Luật, pháp lệnh; kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc tôn giáo tại Việt Nam; kinh phí sản xuất hiện vật khen thưởng;

b) Kinh phí hoạt động của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan Việt Nam khác ở nước ngoài; các hoạt động ngoại giao quốc gia khác của Bộ Ngoại giao; kinh phí hỗ trợ, bảo hộ công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài; kinh phí phục vụ nhiệm vụ đối ngoại của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ;

c) Kinh phí đào tạo lưu học sinh nước ngoài ở Việt Nam và đào tạo lưu học sinh Việt Nam ở nước ngoài diện Hiệp định; kinh phí thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài theo các Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

d) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ chuyển tiếp từ các năm trước được kết thúc vào năm 2024; kinh phí thực hiện các nhiệm vụ hợp tác khoa học kỹ thuật với một số nước theo Hiệp định hoặc Nghị định thư;

đ) Kinh phí các hoạt động phục vụ công tác y tế dự phòng (phòng chống dịch, bệnh truyền nhiễm, các nhiệm vụ đặc thù chuyên môn cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, an toàn thực phẩm, công tác dân số, các nhiệm vụ mua vắc xin, kiểm nghiệm thuốc, nước, dược phẩm...); kinh phí hoạt động chỉ đạo tuyến, hướng dẫn hỗ trợ chuyên môn, chuyển giao kỹ thuật, luân phiên cán bộ chuyên môn từ bệnh viện tuyến trên về hỗ trợ các bệnh viện tuyến dưới nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh đã được duyệt; kinh phí khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc cho bệnh nhân Tâm thần, Phong, Lao tại các cơ sở y tế;

e) Kinh phí hoạt động phục vụ phiên tòa; kinh phí hoạt động điều tra, thực hành quyền công tố và kiểm soát hoạt động tư pháp của cơ quan kiểm sát nhân dân; kinh phí giám định phục vụ hoạt động của cơ quan tư pháp, thanh tra, kiểm toán; kinh phí hoạt động của đoàn Hội thẩm, kinh phí tạm ứng cưỡng chế thi hành án, tiêu hủy tang vật, kinh phí thừa phát lại; kinh phí thực hiện hoà giải, đối thoại theo Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; kinh phí bồi thường thiệt hại; kinh phí thực hiện Pháp lệnh số 01/2022/UBTVQH15 về trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi và cơ sở cai nghiện bắt buộc; kinh phí thực hiện Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân; kinh phí hỗ trợ phục vụ cho công tác hợp xét tha tù trước thời hạn có điều kiện do Tòa án thực hiện theo quy định của Bộ Luật Hình sự sửa đổi; kinh phí hỗ trợ thi hành án tử hình;

g) Kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

h) Kinh phí tài trợ báo, tạp chí, xuất bản, chi trợ giá; đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích;

i) Kinh phí mua sắm trang phục ngành, kinh phí thuê trụ sở;

k) Kinh phí mua gạo xuất cấp theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; kinh phí mua, in ấn chỉ thuế, hải quan để thực hiện nhiệm vụ thu thuế.